

Số: /BC-SKHCN

Đồng Nai, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO
Công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính
Quý III năm 2023

Thực hiện Kế hoạch số 282/KH-UBND ngày 29/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về công tác cải cách hành chính năm 2023; Hướng dẫn số 585/SNV-TT ngày 25/02/2022 của Sở Nội vụ về hướng dẫn báo cáo định kỳ kết quả cải cách hành chính, Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo công tác cải cách hành chính (CCHC), kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) Quý III năm 2023 với các nội dung sau:

PHẦN 1 - NỘI DUNG BÁO CÁO

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC

1. Chỉ đạo, điều hành CCHC, kiểm soát TTHC

- Tiếp tục quán triệt và tổ chức đẩy mạnh thực hiện các văn bản chỉ đạo chủ yếu của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về thực hiện nhiệm vụ CCHC;
- Tiếp tục thực hiện nghiêm Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh về tiếp tục thực hiện nghiêm các quy định về trách nhiệm người đứng đầu đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh và Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh về tiếp tục tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức (CCVC) trong các cơ quan nhà nước;
- Chỉ đạo thực hiện xây dựng và ban hành các kế hoạch cụ thể như:
 - + Kế hoạch CCHC năm 2023 (Kế hoạch số 215/KH-SKHCN ngày 09/02/2023);
 - + Kế hoạch thông tin tuyên truyền kiểm soát TTHC năm 2023 (Kế hoạch số 238/KH-SKHCN ngày 10/02/2023);
 - + Kế hoạch Rà soát, đơn giản hóa quy định, TTHC năm 2023 (Kế hoạch số 138/KH-SKHCN ngày 31/01/2023);
 - + Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2023 (Kế hoạch số 53/KH-SKHCN ngày 11/01/2023);
 - + Kế hoạch Kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) năm 2023 (Kế hoạch số 81/KH-SKHCN ngày 16/01/2023);

+ Kế hoạch Phổ biến văn bản quy phạm pháp luật năm 2023 (Kế hoạch số 159/KH-SKHCN ngày 02/02/2023);

+ Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật năm 2023 (Kế hoạch số 237/KH-SKHCN ngày 10/02/2023);

+ Kế hoạch quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý VPHC năm 2023 (Kế hoạch số 229/KH-SKHCN ngày 10/02/2023);

+ Kế hoạch Triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2023 của Chính phủ đối với cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023 của Sở Khoa học và Công nghệ (Kế hoạch số 274/KH-SKHCN ngày 16/02/2023);

+ Kế hoạch thực hiện Đề án sắp xếp, tổ chức bộ máy của Sở KH&CN đối với Khối hành chính (Kế hoạch số 230/KH-SKHCN ngày 10/02/2023);

- Đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức tại Sở Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2023 (Công văn số 3148/SKHCN-VP ngày 12/12/2022; Kế hoạch số 377/KH-SKHCN ngày 06/3/2023).

- Niêm yết công khai đầy đủ, rõ ràng việc tiếp nhận, xử lý, trả lời các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, TTHC.

- Chỉ đạo kiểm tra về thực hiện CCHC của các phòng, đơn vị đạt 100% các phòng, đơn vị trực tiếp thực hiện và quản lý theo dõi TTHC theo từng lĩnh vực.

- Đánh giá tổng thể mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC của Sở Khoa học và Công nghệ (hoàn thành 10/10 nhiệm vụ ban hành các kế hoạch để triển khai thực hiện trong năm 2023)

2. Về thanh tra, kiểm tra CCHC, kiểm soát TTHC

- Công tác kiểm tra CCHC, kiểm soát TTHC được chú trọng thực hiện, tiếp tục thực hiện các nội dung kiểm tra bám sát và tập trung vào kiểm tra chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, trách nhiệm người đứng đầu bộ phận, chức trách công vụ của công chức, giải quyết TTHC.

- Thực hiện các nội dung kiểm tra theo kế hoạch về kiểm tra CCHC và kiểm soát TTHC của Sở Khoa học và Công nghệ năm 2023; kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, trách nhiệm trong thi hành nhiệm vụ, công vụ tại Sở Khoa học và Công nghệ.

- Ban chỉ đạo CCHC đã thực hiện kiểm tra các phòng, đơn vị theo kế hoạch; các đơn vị được kiểm tra thực hiện tốt kế hoạch CCHC, kiểm soát TTHC.

- Việc khắc phục các kiến nghị sau kiểm tra của tỉnh hoặc các Sở chuyên ngành (nếu có): không

- Thông tin cụ thể về việc triển khai kiểm tra CCHC, kiểm soát TTHC, đơn vị thực hiện theo bảng sau:

| Tên đơn vị, bộ phận trực thuộc được thanh tra, kiểm tra | Thời gian thực hiện | Nội dung thanh tra, kiểm tra | Xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua thanh tra, kiểm tra |
|--|----------------------------|--|--|
| Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng | Quý II | - Kiểm soát TTHC thuộc chức năng nhiệm vụ phòng - Công tác hiện đại hóa nền hành chính nhà nước - Kết quả thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch | Không có |
| Phòng Quản lý chuyên ngành | Quý II | - Kiểm soát TTHC thuộc chức năng nhiệm vụ phòng - Công tác hiện đại hóa nền hành chính nhà nước - Kết quả thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch | Không có |

3. Về công tác thông tin, tuyên truyền CCHC

Kết quả quán triệt, triển khai kế hoạch tuyên truyền CCHC, kiểm soát TTHC năm của tỉnh tại đơn vị:

- Thực hiện tuyên truyền hơn 10 tin bài về CCHC, đăng lên Cổng thông tin điện tử Sở Khoa học và Công nghệ, Các bài viết về cải cách hành chính đăng trên Bản tin Khoa học và Công nghệ; Kế hoạch CCHC được công khai, cập nhật kịp thời trên website caicachhanhchinh.gov.vn

Qua công tác tuyên truyền đã đáp ứng kịp thời việc nắm bắt, tìm hiểu thông tin của CCVC và mọi tầng lớp nhân dân, doanh nghiệp về công tác CCHC, nhất là TTHC.

- Tiếp tục phát hành tờ rơi tuyên truyền về cải cách TTHC (hướng dẫn cách nộp hồ sơ trực tuyến cho tổ chức, doanh nghiệp và người dân).

4. Đánh giá về những mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC được thí điểm, nhân rộng và triển khai có hiệu quả tại đơn vị, địa phương

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Hệ thống họp trực tuyến (TKC Meet) do Trung tâm Khoa học và Công nghệ Đồng Nai (trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ) đã nghiên cứu, thiết kế.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC

1. Cải cách thể chế

a) Tham mưu Ban hành, rà soát và tổ chức thực hiện văn bản pháp luật

- Sở Khoa học và Công nghệ đã ban hành kế hoạch xây dựng, kiểm tra, xử lý và rà soát văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) năm 2023 (Kế hoạch số 81/KH-SKHCN ngày 16/01/2023).

- Tham mưu dự thảo Nghị quyết trình HĐND trong năm 2023:

+ Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về lĩnh vực công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030.

+ Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận cách mạng công nghiệp lần thứ tư trên địa bàn tỉnh.

+ Nghị quyết ban hành chính sách khuyến khích ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2025.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành các quyết định:

+ Quyết định ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai.

+ Quyết định ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về phát triển tài sản trí tuệ; nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

- Chỉ đạo, đôn đốc các phòng, đơn vị liên quan lập đề nghị xây dựng VBQPPL năm 2023 theo trình tự và tiến độ đã đăng ký.

Đánh giá công tác tham mưu ban hành văn bản QPPL: Kịp thời, phù hợp với VBQPPL của cấp trên.

b) Công tác kiểm tra, rà soát văn bản QPPL

- Sở Khoa học và Công nghệ đã xây dựng và ban hành Kế hoạch số Kế hoạch số 81/KH-SKHCN ngày 16/01/2023 về việc xây dựng, kiểm tra, xử lý, rà soát VBQPPL năm 2023.

- Thực hiện rà soát việc đồng bộ, công khai TTHC, hồ sơ mẫu theo chỉ đạo của UBND tỉnh theo công văn số 1981/UBND-HCC ngày 25/02/2022.

- Đánh giá công tác kiểm tra, rà soát văn bản QPPL: đầy đủ, kịp thời, phù hợp quy định.

c) Công tác tổ chức theo dõi thi hành pháp luật

Sở Khoa học và Công nghệ đã xây dựng và ban hành:

- Kế hoạch số 229/KH-SKHCN ngày 10/02/2023 về quản lý công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính của Sở Khoa học và Công nghệ năm 2023.

- Kế hoạch số 237/KH-SKHCN ngày 10/02/2023 về hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2023.

2. Cải cách TTHC

2.1. Công tác công khai TTHC và đơn giản hóa TTHC

- Thực hiện rà soát, đề xuất phương án đơn giản hóa TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành khoa học và công nghệ: Tổ chức thực hiện Kế hoạch số 138/KH-SKHCN ngày 31/01/2023 về rà soát, đơn giản hóa quy định TTHC năm 2023. Qua rà soát TTHC, dịch vụ công trực tuyến còn hiệu lực, Sở Khoa học và Công nghệ không đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa quy định, TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ (kể cả TTHC nội bộ).

- Tình hình thực hiện liên thông TTHC: Sở không thuộc diện phải giải quyết bằng một cửa liên thông.

- Kết quả công khai, niêm yết TTHC, cung cấp hồ sơ mẫu: thực hiện theo quy định.

- Ban hành mới 03 TTHC tại Quyết định số 1822/QĐ-UBND ngày 02/08/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh gồm: Thủ tục cấp giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (TTHC: 2.002544), Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (TTHC: 2.002546), Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (TTHC: 2.002548).

2.2. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

2.2.1. Tổ chức hoạt động bộ phận một cửa

Thực hiện tiếp nhận hồ sơ sẽ được Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện theo 02 cách thức:

(1) Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn>).

(2) Nộp qua đường bưu điện đến Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 1597 đường Phạm Văn Thuận, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

Việc trả kết quả TTHC sẽ được Sở Khoa học và Công nghệ gửi qua hộp thư điện tử (Email) hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích cho người dân, doanh nghiệp.

2.2.2. Công tác giải quyết TTHC

- Số lượng hồ sơ tồn đầu kỳ là 6 hồ sơ
- Số lượng tiếp nhận trong kỳ 69 hồ sơ
- Số lượng hồ sơ đang giải quyết là 18 hồ sơ
- Số lượng hồ sơ hoàn thành là 57 hồ sơ, tỷ lệ đúng hạn đạt 100 %.

Việc thực hiện việc tiếp nhận, luân chuyển xử lý hồ sơ điều thực hiện theo quy định của pháp luật và quy trình do UBND tỉnh ban hành.

Ngoài ra, trên hệ thống Một cửa Quốc gia Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng - Sở KH&CN đã tiếp nhận và hướng dẫn 43 hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc Bộ KH&CN quản lý.

2.2.3. Kết quả triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

- Thực hiện rà soát, đề xuất Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và tham mưu công bố sửa đổi, bổ sung Bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành khoa học và công nghệ.

- Tiếp tục triển khai và khai thác trang một cửa điện tử quốc gia đối với hoạt động xác nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu đối với các nhóm hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ. Tính đến thời điểm báo cáo, đã đạt 100% hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 4 đối với thủ tục công khai giải quyết trên cổng một cửa quốc gia Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trên phần mềm Egov: Quay của Sở Bưu điện trực thay cho nhiều đơn vị nên không cấu hình đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trên phần mềm Egov được. Do đó, Sở không có số liệu đánh giá nội dung này.

- Thực hiện nhận, trả hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính công ích: 14/75 hồ sơ.

2.3. Công tác giải quyết phản ánh kiến nghị về giải quyết TTHC

- Trong kỳ báo cáo, Tổng đài Dịch vụ công 1022 không tiếp nhận phản ánh, kiến nghị nào của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC của Sở.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

a) Rà soát vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế:

a.1. Đối với Khối hành chính

- Tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 3575/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Đề án sắp xếp tổ chức, bộ máy của Sở Khoa học và Công nghệ (khối hành chính). Ngày 10/2/2023, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch số 230/KH-SKH&CN về việc thực hiện Đề án sắp xếp tổ chức, bộ máy của Sở Khoa học và Công nghệ (đối với khối hành chính). Sau khi ban hành Kế hoạch, Sở Khoa học và Công nghệ đã tiến hành sắp xếp, sáp nhập các phòng chuyên môn, và thực hiện các thủ tục, quy trình điều động, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ theo Đề án, kế hoạch đã được phê duyệt.

Kết quả thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ đã hoàn thành thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy theo kế hoạch đề ra.

Kết quả: Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 26/2023/QĐ-UBND ngày 08/6/2023 quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai.

- Công tác quản lý, sử dụng biên chế tại Sở Khoa học và Công nghệ được thực hiện đúng theo quy định, theo chỉ tiêu biên chế được giao. Việc sắp xếp, cơ cấu lại tổ chức bộ máy, biên chế đã góp phần tạo sự chuyển biến tích cực trong đội ngũ CCVC, người lao động cả về trách nhiệm, ý thức trong thực thi công vụ, bố trí phù hợp với chức năng nhiệm vụ, vị trí việc làm, bảo đảm theo biên chế được giao.

Tổng số biên chế hiện nay bao gồm:

- Về cơ cấu: Sở có 01 Giám đốc, 03 Phó Giám đốc Sở
- Về tổ chức: giúp việc cho Lãnh đạo Sở có 06 phòng chuyên môn và 02 đơn vị sự nghiệp trực thuộc (trong đó 01 đơn vị sự nghiệp là Trung tâm Phát triển phần mềm đang làm thủ tục giải thể)
- Tình hình triển khai các quy định của Chính phủ, các Bộ về tổ chức bộ máy, cụ thể:

| Nội dung | Năm 2022 | Năm 2023 |
|---------------------------------|-----------------|-----------------|
| 1. Số phòng, ban, thuộc sở | 05 | 06 |
| 2. Số đơn vị sự nghiệp thuộc sở | 02 | 02 |

Thực hiện Quyết định của UBND tỉnh Đồng Nai quyết định phân bổ biên chế, số người làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2023: Về tình hình sử dụng biên chế cán bộ, công chức, tính tới thời điểm hiện nay tổng biên chế của Sở Khoa học và Công nghệ là 45/46 biên chế được giao. Như vậy, hiện tại Sở Khoa học và Công nghệ vẫn còn thiếu 01 biên chế so với phân bổ năm 2023 tại Quyết định 3720/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh.

a.2. Về việc hợp nhất Trung tâm Phát triển phần mềm

Sở Khoa học và Công nghệ đã lãnh đạo Trung tâm Phát triển phần mềm trong quá trình hợp nhất với Trung tâm CNTT tỉnh.

Kết quả: Sở Khoa học và Công nghệ đã có Báo cáo số 119/BC-SKHCHN ngày 31/05/2023; Ngày 16/6/2023, Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành làm việc với Cục Thuế, BHXH tỉnh, Sở Tài chính và các Sở, ban, ngành liên quan khác để tiến hành xử lý việc giải thể Công ty TNHH MTV Giải pháp chuyên gia Việt thuộc Trung tâm Phát triển phần mềm và có Báo cáo số 147/BC-SKHCHN ngày 19/6/2023 gửi UBND tỉnh.

b) Về thực hiện phân cấp quản lý

Căn cứ Kế hoạch số 482/KH-UBND ngày 13/01/2021 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24/6/2020 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực. Trên cơ sở Thông tư số 01/2021/TT-BKHCN ngày 01/3/2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện và thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh. Sở Khoa học và Công nghệ đang phối hợp với Sở Nội vụ để dự thảo tham mưu trình UBND tỉnh ban hành phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Thực hiện các quy định về quản lý CCVC

- Tham mưu ban hành đề án vị trí việc làm công chức, viên chức: Thực hiện công văn số 643/SNV-QLBC&CCVC ngày 27/2/2023 của Sở Nội vụ về việc thực hiện một số quy định về vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức hành chính. Theo đó, *“thời gian gửi Đề án vị trí việc làm về Sở Nội vụ thẩm định trước ngày 30/5/2023: đối với các sở, ngành chưa được bộ quản lý chuyên ngành ban hành Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành hoặc ban hành từ ngày 15/3/2023 trở đi”*. Sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức, Sở Khoa học và Công nghệ; Sở đã thực hiện các bước, quy trình để xây dựng Đề án vị trí việc làm; tuy nhiên, ngày 09/8/2023 Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư số 16/2023/TT-BKHCN về việc hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành KH&CN trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực khoa học và công nghệ và có hiệu lực thi hành từ ngày 25/9/2023. Hiện nay, Sở đang nghiên cứu, thực hiện việc xây dựng đề án theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Kết quả thực hiện các quy định, số lượng tuyển dụng công chức, viên chức (*thi tuyển, xét tuyển*):

+ Công chức: không

+ Viên chức: 01 viên chức

- Kết quả thực hiện các quy định, số lượng bổ nhiệm, bổ nhiệm lại công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: Trong 9 tháng đầu năm, Sở Khoa học và công nghệ thực hiện bổ nhiệm 03 trường hợp đối với Trưởng phòng, 03 trường hợp đối với Phó Trưởng phòng; bổ nhiệm lại 01 trường hợp đối với Chánh Văn phòng.

- Đánh giá chất lượng chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức của Sở Khoa học và Công nghệ hiện nay với số lượng, tỷ lệ đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn ngạch, chức danh, vị trí việc làm: Công chức Sở hiện nay có trình độ đào tạo sau đại học chiếm đa số, nhìn chung đều đáp ứng nhu cầu về tiêu chuẩn ngạch, chức danh, vị trí việc làm của Sở.

b) Tình hình triển khai, quán triệt về chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của CCVC tại đơn vị, địa phương; kết quả xử lý các trường hợp vi phạm: Tiếp tục tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về đạo đức nghề nghiệp, văn hóa giao tiếp trong thi hành công vụ của CCVC (đặc biệt là công chức làm tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả); những việc CCVC không được làm theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật thực hành, tiết kiệm, chống lãng phí. Chú trọng và nâng cao chế độ kỷ luật trong hoạt động công vụ để duy trì trật tự kỷ cương và phát huy tinh thần trách nhiệm trong hoạt động công vụ của Sở; gắn với việc triển khai các văn bản mới hướng dẫn luật thi đua, khen thưởng gắn chế độ khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức trong hoạt động công vụ; Sở đã ban hành văn bản nhắc nhở CCVC trong cơ quan chấp hành tốt kỷ cương hành chính và các quy định của pháp luật. Trong kỳ báo cáo không có trường hợp vi phạm để xử lý kỷ luật.

c) Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng CCVC.

- Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng: Ngày 07/9/2021, Sở Khoa học và Công nghệ đã ban hành kế hoạch Đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức tại Sở Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2021-2025 (Kế hoạch số 1645/KH-SKHHCN ngày 07/9/2021); Kế hoạch số 377/KH-SKHHCN về việc đào tạo, bồi dưỡng tập huấn cán bộ, công chức, viên chức năm 2023.

- Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức: Từ đầu năm đến nay, Sở đã cử 02 công chức lãnh đạo tham gia lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên cao cấp và tham dự kỳ thi nâng ngạch chuyên viên cao cấp vào tháng 8/2023; cử 01 cử công chức tham gia khóa bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo tại Việt Nam và Xinh-ga-po. Hiện đang thực hiện hồ sơ cho 07 trường hợp thi nâng ngạch công chức và thăng hạng viên chức theo Đề án đã đăng ký năm 2022.

5. Cải cách tài chính công

- Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách, quản lý tài sản công tại đơn vị:

+ Thực hiện Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành xây dựng và ban hành Quy định quy chế chi tiêu nội bộ (Quyết định số 31/QĐ-SKHHCN ngày 09/2/2023); Tiếp tục thực hiện quy chế quản lý tài sản công theo quy định (Quyết định số 353/QĐ-SKHHCN ngày 15/11/2018).

- Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập (*Báo cáo kết quả thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và các văn bản có liên quan*).

+ Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 916/QĐ-UBND ngày 14/4/2022 về việc giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2022-2025.

+ Tham mưu UBND tỉnh Đồng Nai trình HĐND ban hành Nghị quyết về danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh (Nghị quyết số 35/NQ-HĐND); tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3074/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 về việc triển khai Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 22/9/2022 của HĐND tỉnh về danh mục sự nghiệp công sử dụng NSNN thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) Khai thác các ứng dụng nội bộ phục vụ công tác quản lý điều hành, xử lý công việc

- Kết quả sử dụng phần mềm quản lý văn bản - điều hành công việc để xử lý, giải quyết công việc, tỷ lệ hồ sơ xử lý trên môi trường điện tử;

| Cơ quan | Số văn bản | | | Số văn bản điện tử | | | Tỷ lệ văn bản điện tử/tổng số văn bản % | CCVC sử dụng phần mềm quản lý IO văn bản để quản lý, điều hành, xử lý công việc | | | Ghi chú |
|---------|------------|-------|-------|--------------------|-------|-------|---|---|-----------------|---------|---------|
| | Tổng | Gửi | Nhận | Tổng | Gửi | Nhận | | Tổng số CCVC | Số CCVC sử dụng | Tỷ lệ % | |
| 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 11 | 12 | 13 | 14 |
| Sở KHCN | 10.417 | 3.024 | 7.393 | 8.670 | 2.234 | 6.436 | 83,23% | 123 | 123 | 100 | |

+ 100% văn bản trao đổi trong nội bộ cơ quan và giữa các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện hoàn toàn dưới dạng điện tử thông qua trực liên thông của tỉnh (Trừ các loại văn bản Mật, các hợp đồng, văn bản đối với các tổ chức khoa học công nghệ không thuộc cơ quan hành chính nhà nước không gửi trên môi trường mạng).

- Kết quả ứng dụng chữ ký số, chứng thư số để xác thực văn bản điện tử trên phần mềm quản lý văn bản - điều hành công việc và phần mềm một cửa điện tử để giải quyết hồ sơ hành chính cho người dân, doanh nghiệp: 100% cán bộ Lãnh đạo Sở, Trưởng/Phó các phòng, đơn vị ứng dụng chữ ký số, chứng thư số để xác thực văn bản điện tử trên

phần mềm quản lý văn bản - điều hành công việc và phần mềm một cửa điện tử để giải quyết hồ sơ hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

- Ban hành Kế hoạch Công tác văn thư, lưu trữ năm 2023 của Sở Khoa học và Công nghệ (Kế hoạch 343/KH-SKHCCN ngày 23/02/2023)

- Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành, phần mềm chuyên ngành: Tiếp tục cập nhật cơ sở dữ liệu hồ sơ thanh tra được thực hiện trong nội bộ Sở.

- Kết quả triển khai Hệ thống quản lý chất lượng ISO, ISO điện tử:

- + Tiếp tục áp dụng HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015 cho 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở;

- + Đối với triển khai ISO cho các Sở, ban, ngành: Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục theo dõi tình hình duy trì việc áp dụng HTQLCL tiên tiến theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 ứng dụng công nghệ thông tin (ISO điện tử) vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định 3348/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 phê duyệt Kế hoạch kiểm tra việc áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2023. Lập các thủ tục liên quan đến triển khai hoạt động kiểm tra.

- Ban hành Kế hoạch số 508/KH-SKHCCN ngày 21/3/2023 về việc tổ chức các khóa đào tạo về HTQLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 ứng dụng CNTT vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2023.

- Thực hiện tổng hợp Kế hoạch thực hiện ISO 9001:2015 và mục tiêu chất lượng 32 Sở, ban ngành.

b) Ứng dụng CNTT phục vụ người dân

- Đánh giá mức độ thực hiện mục tiêu ứng dụng CNTT trong giải quyết TTHC;

- + Kết quả ứng dụng chữ ký số, chứng thư số để xác thực văn bản điện tử trên phần mềm quản lý văn bản - điều hành công việc và phần mềm một cửa điện tử để giải quyết hồ sơ hành chính cho người dân, doanh nghiệp

- Các giải pháp nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến tại đơn vị (nếu có)

- Kết quả triển khai các ứng dụng công nghệ riêng của đơn vị, địa phương phục vụ người dân, doanh nghiệp: Nâng cấp phần mềm cơ sở dữ liệu về đánh giá trình độ công nghệ sản xuất của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (dự kiến triển khai năm 2023).

- Chất lượng trang thông tin điện tử của đơn vị: Kiện toàn Ban biên tập Cổng thông tin điện tử Sở KH&CN và trang tin điện tử khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

c) Triển khai mô hình đô thị thông minh (nếu có): không

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

- Sự quan tâm chỉ đạo, lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền, sự tham gia tích cực các phòng ban chuyên môn và toàn thể công chức, viên chức là yếu tố quan trọng đưa công tác CCHC ngày càng phát triển mạnh theo hướng tinh giảm các TTHC qua đó đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ Chính trị của đơn vị. Bám sát nhiệm vụ chính trị, xác định nhiệm vụ trọng tâm, có phương pháp thực hiện trong từng công việc cụ thể, tham gia giải quyết dứt điểm những vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích của người dân và doanh nghiệp.

- Công tác cải cách thể chế thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra. Các VBQPPL được xây dựng và ban hành đúng thẩm quyền, đúng thể thức; nội dung phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tiễn của tỉnh Đồng Nai, cụ thể hoá kịp thời các chủ trương, chính sách của Trung ương và của tỉnh.

- Công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong chỉ đạo, điều hành; tiếp nhận, giải quyết TTHC cho người dân được Lãnh đạo Sở quan tâm thực hiện và có chuyên viên tích cực tiếp tục thực hiện trao đổi văn bản điện tử, giảm các văn bản, giấy tờ hành chính không cần thiết.

- Công tác xây dựng, tuyển dụng, đào tạo CCVC tiếp tục được xác định là nhiệm vụ trọng tâm để xây dựng đội ngũ CCVC đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ của công tác chuyên môn, góp phần vào sự nghiệp hoá, hiện đại hoá của tỉnh nhà.

- Việc ứng dụng CNTT trong công tác chỉ đạo điều hành, tiếp nhận, giải quyết TTHC cho người dân và doanh nghiệp được quan tâm thực hiện và đạt kết quả cao, tiếp tục đẩy mạnh việc trao đổi văn bản điện tử đạt 100%.

- Công tác thanh tra kiểm tra công vụ được duy trì và thực hiện thường xuyên, trong đó chú trọng thực hiện công tác tuyên truyền CCHC bằng nhiều hình thức phong phú.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân: Không.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC TRỌNG TÂM

- Tăng cường công tác kiểm tra các phòng ban đơn vị thực hiện công tác CCHC, kiểm soát TTHC chú trọng công tác giải quyết TTHC thuộc trách nhiệm Sở Khoa học và Công nghệ đảm bảo đúng thời gian quy định.

- Tuyên truyền đến toàn thể cán bộ CCVC biết kế hoạch CCHC của tỉnh, đơn vị, các chính sách pháp luật, các văn bản ban hành mới liên quan. Xây dựng và thực hiện công tác tham mưu và ban hành VBQPPL kịp thời, đúng tiến độ.

- Tiếp tục rà soát, duy trì đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến của cơ quan đảm bảo 100 % các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của Sở.

- Tiếp tục nghiên cứu tham mưu thực hiện Quyết định số 3575/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt đề án sắp xếp, tổ chức bộ máy Sở KH&CN.

- Thực hiện chế độ tài chính công, quản lý tài sản Nhà nước, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả theo quy định pháp luật.

- Phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực khoa học công nghệ

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:

Để tạo thuận lợi giải quyết TTHC cho các cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh kịp thời và hiệu quả, Sở Khoa học và Công nghệ kiến nghị UBND tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ sớm có văn bản hướng dẫn cho Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận các hồ sơ giải quyết TTHC trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng của do hiện nay, tỉnh Đồng Nai không còn duy trì mô hình hoạt của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (*tổ chức lại thành Phòng QL Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng kể từ ngày 20/6/2023*).

Trên đây là báo cáo công tác CCHC, kiểm soát TTHC Quý III năm 2023 tại Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
 - Các Phó Giám đốc Sở;
 - Các phòng/đơn vị;
 - Lưu: VT, TTr.
- TTrThang-BCCHCKSTTHCQuyIII/
2023\3b.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đoàn Tấn Đạt

PHẦN 2 - HỆ THỐNG BIỂU MẪU SỐ LIỆU

Biểu mẫu 1 Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

| STT | Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i> | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|-----------|--|---------------------|-----------|---------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 1. | Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i> | Văn bản | 16 | |
| 2. | Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i> | % | 71 | |
| 2.1 | Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch | Nhiệm vụ | 7 | |
| 2.2 | Số nhiệm vụ đã hoàn thành | Nhiệm vụ | 5 | |
| 3. | Kiểm tra CCHC | | | |
| 3.1 | Số sở, ngành đã kiểm tra | Cơ quan, đơn vị | 02 | |
| 3.2 | Số UBND cấp huyện đã kiểm tra | Cơ quan, đơn vị | | |
| 3.3 | Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra | % | 0 | |
| 3.3.1 | Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra | Vấn đề | 0 | |
| 3.3.2 | Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong | Vấn đề | 0 | |
| 4. | Truyền thông về CCHC | | | |
| 4.1 | Tin bài viết về CCHC, KSTTHC | Tin bài | 10 | |
| 4.2 | Chương trình truyền hình, phát thanh | Chương trình | 0 | |
| 4.3 | Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp | Không = 0 Có = 1 | 0 | |

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

| STT | Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|-----------|--|------------------|----------|---------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 1. | Tổng số VBQPPL¹ do đơn vị tham mưu ban hành/ UBND cấp huyện ban hành | Văn bản | 0 | |
| 2. | Kiểm tra, xử lý VBQPPL | | | |
| 2.1. | Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền | Văn bản | 0 | |
| 2.2. | Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra | % | 0 | |
| 2.2.1. | Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra | Văn bản | 0 | |
| 2.2.2. | Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong | Văn bản | 0 | |
| 3. | Rà soát VBQPPL | | | |
| 3.1. | Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền | Văn bản | 0 | |
| 3.2. | Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát | % | 0 | |
| 3.2.1. | Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát | Văn bản | 0 | |
| 3.2.2. | Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong | Văn bản | 0 | |

¹ Văn bản quy phạm pháp luật.

Biểu mẫu 3**Cải cách TTHC**

| STT | Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|-----------|---|------------------|---------|--|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 1. | Thống kê TTHC (Các sở, ban ngành) | | | |
| 1.1. | Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa | Thủ tục | 0 | |
| 1.2. | Số TTHC công bố mới | Thủ tục | 03 | |
| 1.3. | Số TTHC bãi bỏ, thay thế | Thủ tục | 0 | |
| 1.4. | Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương | Thủ tục | 42 | |
| 2. | Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông | | | |
| 2.1. | Số TTHC liên thông cùng cấp | Thủ tục | 0 | |
| 2.2. | Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền | Thủ tục | 0 | |
| 2.3. | Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính. | Thủ tục | 0 | |
| 3. | Kết quả giải quyết TTHC | | | |
| 3.1. | Tỷ lệ hồ sơ TTHC do tiếp nhận được giải quyết đúng hạn | % | 100 | * 14 hồ sơ Hiện đang chờ hướng dẫn của cấp có thẩm quyền |
| 3.1.1. | Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong | Hồ sơ | 57 | |
| 3.1.2. | Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn | Hồ sơ | 57 | |
| 3.2. | Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC | % | 0 | |
| 3.2.1. | Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến) | PAKN | 0 | |
| 3.2.2. | Số PAKN đã giải quyết xong | PAKN | 0 | |

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

| STT | Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|-----------|--|--|---------|------------------------------------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 1. | Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy | | | |
| 1.1. | Đã ban hành quy định về tổ chức bộ máy sau sắp xếp, kiện toàn | Đã ban hành = 1 Chưa ban hành = 0 | 1 | |
| 1.2. | Đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ | Đã hoàn thành = 1 Chưa hoàn thành = 0 | 1 | |
| 1.3. | Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) thuộc đơn vị, địa phương | Cơ quan, đơn vị | 1 | |
| 1.3.1. | Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương | Cơ quan, đơn vị | 2 | 1 đơn vị đang làm thủ tục giải thể |
| 1.3.2. | Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện | Cơ quan, đơn vị | | |
| 1.3.3. | Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015 | % | 50 | |
| 2. | Số liệu về biên chế công chức | | | |
| 2.1. | Tổng số biên chế được giao trong năm | Người | 46 | |
| 2.2. | Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo | Người | 44 | |
| 2.3. | Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính | Người | 04 | |
| 2.4. | Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo | Người | 0 | |
| 2.5. | Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015 | % | 100 | |
| 3. | Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập | | | |
| 3.1. | Tổng số người làm việc được giao | Người | 0 | |
| 3.2. | Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo | Người | 0 | |
| 3.3. | Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo | Người | 0 | |
| 3.4. | Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015 | % | 100 | |

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

| STT | Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|-----------|---|--|---------|---------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 1. | Vị trí việc làm của công chức, viên chức | | | |
| 1.1. | Đơn vị, địa phương đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định | Đã phê duyệt = 1 Chưa phê duyệt = 0 | 1 | |
| 1.2. | Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định | Cơ quan, đơn vị | 1 | |
| 1.3. | Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra | Cơ quan, đơn vị | 0 | |
| 2. | Tuyển dụng công chức, viên chức | | | |
| 2.1. | Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển) | Người | 0 | |
| 2.2. | Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt. | Người | 0 | |
| 2.3. | Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên. | Người | 0 | |
| 2.4. | Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển). | Người | 01 | |
| 2.5. | Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt. | Người | 0 | |
| 3. | Số lượng CCVC bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền). | | | |
| 3.1. | Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật. | Người | 0 | |
| 3.2. | Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật. | Người | 0 | |
| 3.3. | Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật. | Người | 0 | |
| 4. | Thực hiện Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng | | | |
| 4.1. | Số công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng các lớp cao cấp, trung cấp chính trị | Người | 0 | |
| 4.2. | Số công chức, viên chức được đào tạo bồi dưỡng các lớp nghiệp vụ, tập huấn từ 05 ngày trở lên | Người | 02 | |
| 5. | Số liệu về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại công chức, viên chức lãnh đạo quản lý | | | |
| 5.1. | Số lượng lãnh đạo quản lý cấp phòng được bổ nhiệm mới | Người | 06 | |
| 5.2. | Số lượng lãnh đạo quản lý cấp phòng được bổ nhiệm lại | Người | 0 | |
| 5.3. | Số lượng bổ nhiệm thông qua thi tuyển | Người | 0 | |

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

| STT | Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i> | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|-----------|--|------------------|----------|---------------------------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 1. | Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công (đối với UBND cấp huyện) | % | 0 | Không bố trí vốn năm 2023 |
| 1.1. | Kế hoạch được giao | Triệu đồng | | |
| 1.2. | Đã thực hiện | Triệu đồng | | |
| 2. | Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) (lũy kế đến thời điểm báo cáo) | | | |
| 2.1. | Tổng số ĐVSN công lập thuộc đơn vị, địa phương | Đơn vị | 2 | |
| 2.2. | Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư | Đơn vị | 0 | |
| 2.3. | Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên | Đơn vị | 2 | |
| 2.4. | Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên | Đơn vị | 0 | |
| 2.4.1. | <i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i> | Đơn vị | 0 | |
| 2.4.2. | <i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i> | Đơn vị | 0 | |
| 2.4.3. | <i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i> | Đơn vị | 0 | |
| 2.5. | Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên | Đơn vị | 0 | |
| 2.6. | Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo) | Đơn vị | 0 | |

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

| STT | Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i> | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|-----|---|-------------------------------|------------|---------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 1. | Kết nối vận hành Hệ thống hợp trực tuyến với cấp tỉnh | Chưa có = 0 Đã kết nối = 1 | 1 | |
| 2. | Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia (nếu có) | % | 100 | |
| 3. | Số liệu về trao đổi văn bản điện tử | | 8.670 | |
| | Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của đơn vị, địa phương <i>(Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).</i> | % | 83,23 | |
| 4. | Cung cấp dịch vụ công trực tuyến | | | |
| | Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3 | % | 100 | |
| | <i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3</i> | <i>Thủ tục</i> | <i>05</i> | |
| | <i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3</i> | <i>Thủ tục</i> | <i>05</i> | |
| | <i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i> | <i>Thủ tục</i> | <i>05</i> | |
| 4.2 | Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4 | % | 100 | |
| | <i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4</i> | <i>Thủ tục</i> | <i>37</i> | |
| | <i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4</i> | <i>Thủ tục</i> | <i>37</i> | |
| | <i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i> | <i>Thủ tục</i> | <i>06</i> | |
| 4.3 | Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia | % | 100 | |
| | <i>Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4</i> | <i>Thủ tục</i> | <i>42</i> | |
| | <i>Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia</i> | <i>Thủ tục</i> | <i>42</i> | |
| 4.4 | Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 <i>(Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)</i> | % | 100 | |
| | <i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)</i> | <i>Hồ sơ</i> | <i>75</i> | |
| | <i>Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến</i> | <i>Hồ sơ</i> | <i>75</i> | |
| 4.5 | Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến | % | 100 | |
| | <i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí...)</i> | <i>Thủ tục</i> | <i>42</i> | |
| | <i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i> | <i>Thủ tục</i> | <i>42</i> | |